TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 101/2024/HS-ST
Ngày: 24-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Trứ
2. Ông Nguyễn Văn Bào

-***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Kim Chi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 92/2024/TLST- HS ngày 11 tháng 9 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

1.Bị cáo:
Họ tên: Nguyễn Ngọc T, Sinh năm 1993; Giới tính: Nam.
Tên gọi khác: Không
Nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12.
Họ tên cha: Nguyễn Tiến L, sinh năm 1974;
Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974;
Vợ: Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1996;
Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019);
Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất;
Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không
Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa

2. Người bị hại:
Chị Phạm Thị M, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn Hoàng Lại, xã Thanh Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
-Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1996 (có mặt)
Nơi cư trú: Xóm M, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên
- Anh Ngô Văn S, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên
-Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 (vắng mặt)
-Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1995 (vợ anh H) (vắng mặt)
Đều cư trú: Xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993, nơi cư trú: xóm M, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên không có việc làm ổn định nên T đã nảy sinh ý định đi cướp giật điện thoại bán lấy tiền ăn tiêu. Khoảng 19 giờ ngày 14/6/2024, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Lead màu vàng biển kiểm soát 98D1- 551.31 của vợ là chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1996, đi từ nhà sang địa phận H để tìm kiếm phụ nữ đi đường cầm điện thoại sơ hở thì sẽ đuổi theo cướp giật. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày 14/6/2024, khi đang đi trên trục đường liên xã thuộc địa phận thôn H, xã T hướng đi Ủy ban nhân dân xã T thì T phát hiện ở phía trước chị Phạm Thị M, sinh năm 1981, nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Cup, biển kiểm soát 98AC- 035.58, chở theo con gái là cháu Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 2013 đi ngược chiều, tay phải chị M cầm lái, tay trái cầm chiếc điện thoại di động OPPO A93, màu xám lắp sim số thuê bao 0353.576.747, ốp lưng bằng nhựa màu tím hồng và đang áp bên tai trái nói chuyện. Thấy vậy, T điều khiển xe mô tô đi qua chị M khoảng 30 mét, sau đó vòng xe quay lại và đuổi theo xe chị M, khi hai xe song song, T giảm ga, dùng tay trái giật chiếc điện thoại di động trên tay chị M rồi tăng ga bỏ chạy. Bị giật mất điện thoại, chị M điều khiển xe đuổi theo và truy hô nhưng không đuổi kịp. Sau khi cướp giật được điện thoại, T kiểm tra thì biết điện thoại có đặt mật khẩu màn hình nên đã tháo sim và ốp điện thoại vứt đi, sau đó mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại "Quang Sáng" của anh Ngô Văn S, sinh năm 1983 ở tổ A, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để nhờ phá khóa màn hình, anh S bảo T để điện thoại lại lúc khác đến lấy, T đồng ý và đi về.

Ngày 20/6/2024, chị Phạm Thị M có đơn trình báo gửi Công an xã T, huyện H về việc ngày 14/6/2024 bị cướp giật điện thoại, cùng ngày Công an xã T đã chuyển nguồn tin đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H theo thẩm quyền.

Sáng ngày 21/6/2024, T đến cửa hàng điện thoại "Quang Sáng" gặp và nói với anh S cho T lấy lại chiếc điện thoại di động, sau đó T đến Cơ quan Công an đầu thú và giao nộp chiếc điện thoại Thành cướp giật của chị M ngày 14/6/2024. Khi đầu thú, T còn giao nộp: 01 mũ bảo hiểm nửa đầu màu đen có kính chắn gió phía trước, trên mũ có kẻ sọc màu trắng bạc màu đỏ, có chữ Vinamda PHÚ BÌNH; 01 quần bò ngố màu xanh, tại cạp quần phía sau có gắn mác màu vàng ghi chữ ZARA; 01 áo phông

cộc tay màu đen, phía trước ngực có ghi chữ "T-AKASE"; 01 đôi dép da màu đen; 01 áo chống nắng màu vàng nhạt, phần ngoài có ghi nhiều dòng chữ "GUCC" màu đen (là vật dụng T sử dụng khi thực hiện hành vi cướp giật điện thoại).

Ngày 21/6/2024, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Ngọc T thu giữ: 01 sim điện thoại Viettel có số trên sim 89840488551001372049. Kết quả điều tra, xác minh, chiếc sim này không liên quan đến hành vi phạm tội của T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 37/KL- HĐĐGTS ngày 02/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A93, màu xám trị giá 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng). Không thực hiện định giá đối với chiếc ốp lưng điện thoại bằng nhựa mà tím hồng do không thu giữ được tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 39/KL- HĐĐGTS ngày 05/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: Chiếc sim điện thoại có số thuê bao 0353.576.747, mua mới có giá 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng); chi phí làm lại sim do bị mất: 35.000đồng bBa mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 21/6/2024 ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1964 ở thôn H, xã T giao nộp 01 đĩa DVD ghi lại nội dung diễn biến vụ cướp giật tài sản xảy ra ngày 14/6/2024.

Tại kết luận giám định số 1553/KL-KTHS ngày 16 tháng 7 năm 2024 của phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video có tên "Camera_ cua.mp4", dung lượng 573KB; thời lượng: 00 phút 19 giây lưu trữ trong đĩa DVD-R gửi giám định. Trích xuất được 06 (sáu) hình ảnh thể hiện diễn biến sự việc trong file video gửi giám định.

Ngày 21/6/2024, Cơ quan điều tra đã tiến hành sao trích 01 đoạn video từ camera giám sát của cửa hàng điện thoại "Quang Sáng" có hình ảnh của Nguyễn Ngọc T đến cửa hàng của anh S lấy lại điện thoại cướp giật của chị M ngày 14/6/2024.

Ngày 08/7/2024 và ngày 17/7/2024 Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Ngọc T xem hình ảnh camera do ông Nguyễn Văn S1 giao nộp và hình ảnh camera do cơ quan điều tra thu giữ tại cửa hàng "Q". Kết quả T xác định hình ảnh người trong đoạn video là T.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã cho T chỉ dẫn đến vị trí và thực nghiệm lại hành vi phạm tội. Vị trí T thực hiện hành vi cướp giật tài sản là trục đường nhựa liên xã, phía trước cửa nhà anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1993 ở thôn H, xã T, huyện H. Kết quả xác định vị trí và thực nghiệm phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội của bị can và các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 21/6/2024, chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1995 ở xóm T, xã K, huyện P giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Lead màu vàng biển kiểm soát 98D1- 551.31 và trình bày: Do T và anh Lương Văn H1 (chồng chị T1) quen biết nhau nên ngày 17/6/2024, T mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1- 551.31 đến gặp anh H1 vay 10.000.000đồng và để xe lại làm tin. Nay chị T1 biết chiếc xe có liên quan đến hành vi phạm tội của T nên giao nộp cho Cơ quan điều tra.

*Tại Bản cáo trạng số 95/CT-VKS-HH ngày 11/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo T về tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Ngọc T thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng cho anh Lương Văn H1.

Chị C có mặt, không có ý kiến gì

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (S2) tháng tù về tội *"Cướp giật tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (21/6/2024)

-Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

-Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579, 580 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo T phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lương Văn H1 số tiền 10.000.000 đồng.

-Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ bảo hiểm nửa đầu màu đen, có kính chắn gió phía trước, trên mũ có kẻ sọc màu trắng bạc màu đỏ, có chữ Vinamotor PHÚ BÌNH; 01 (một) quần bò ngố màu xanh, tại cạp quần phía sau có gắn mác màu vàng ghi chữ ZARA; 01 áo phông cộc tay màu đen, phía trước ngực có ghi chữ màu trắng, trên cổ áo phía trong có chữ "T-AKASE"; 01 (một) đôi dép da màu đen; 01(một) áo chống nắng màu vàng nhạt, phần ngoài có chữ "GUCC" màu đen; 01 (một) sim điện thoại Viettel có số trên sim 8984048855100137204 9 (niêm phong trong phong bì thư, dán kín);

Ngoài ra quyền kháng cáo đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình

sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và truy tố đã có lời khai nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, Hội đồng xét xử xét thấy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 14/6/2024, tại đường liên xã thuộc địa phận thôn H, xã T, huyện H; Nguyễn Ngọc T có hành vi sử dụng xe mô tô là phương tiện, thủ đoạn nguy hiểm, cướp giật chiếc điện thoại di động OPPO A93 màu xám, có ốp lưng bằng nhựa dẻo màu tím hồng, trị giá 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) của Phạm Thị M, sinh năm 1981 ở thôn H, xã T, huyện H.

Do đó, với hành vi như trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội về tội *"Cướp giật tài sản*" theo điểm d, khoản 2 Điều 171 - Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo T theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về vai trò và tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo thấy:

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo T đã có ý định thực hiện hành vi cướp giật từ trước để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tự nguyện trả lại tài sản đã chiếm đoạt, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

-Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự

-Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[7] Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579, 580 Bộ luật Dân sự.

-Chị Phạm Thị M là người bị hại không có yêu cầu bồi thường dân sự, nên không xem xét, giải quyết.

- Buộc bị cáo T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Lương Văn H1 số tiền 10.000.000 đồng

[9] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ bảo hiểm nửa đầu màu đen, có kính chắn gió phía trước, trên mũ có kẻ sọc màu trắng bạc màu đỏ, có chữ Vinamotor PHÚ BÌNH; 01 (một) quần bò ngố màu xanh, tại cạp quần phía sau có gắn mác màu vàng ghi chữ ZARA; 01 áo phông cộc tay màu đen, phía trước ngực có ghi chữ màu trắng, trên cổ áo phía trong có chữ "T-AKASE"; 01 (một) đôi dép da màu đen; 01(một) áo chống nắng màu vàng nhạt, phần ngoài có chữ "GUCC" màu đen; 01 (một) sim điện thoại Viettel có số trên sim 8984048855100137204 9 (niêm phong trong phong bì thư, dán kín);

[10] Đối với anh Ngô Văn S không biết chiếc điện thoại T nhờ phá khóa màn hình là tài sản do phạm tội mà có nên không vi phạm pháp luật.

[11]Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc C là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1- 551.31, chị C không biết T sử dụng xe mô tô của mình để thực hiện hành vi phạm tội nên không vi phạm pháp luật.

[12] Đối với anh Lương Văn H1, khi cho T vay tiền và để xe mô tô lại làm tin, anh H1 không biết chiếc xe mô tô đó T đã sử dụng để cướp giật tài sản nên không vi phạm pháp luật.

[13] Về án phí:

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và quy định tại Điều 21; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền kháng cáo theo Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

-Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội *"Cướp giật tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (21/6/2024)

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579, 580 -Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Lương Văn H1 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự"

3.Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ bảo hiểm nửa đầu màu đen, có kính chắn gió phía trước, trên mũ có kẻ sọc màu trắng bạc màu đỏ, có chữ Vinamotor PHÚ BÌNH; 01 (một) quần bò ngố màu xanh, tại cạp quần phía sau có gắn mác màu vàng ghi chữ ZARA; 01 áo phông cộc tay màu đen, phía trước ngực có ghi chữ màu trắng, trên cổ áo phía trong có chữ "T-AKASE"; 01 (một) đôi dép da màu đen; 01(một) áo chống nắng màu vàng nhạt, phần ngoài có chữ "GUCC" màu đen; 01 (một) sim điện thoại Viettel có số trên sim 89840488551001372049 (niêm phong trong phong bì thư, dán kín).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án"

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự